TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 48/2022/DSST;
Ngày: 22/7/2022;
Tranh chấp "***Hợp đồng góp hụi***"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**;

- Ông **Lê Văn Tám**;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thanh Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không Tham gia.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2022/TLST-DS ngày 15/4/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-DS ngày 14/6/2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1966;
Địa chỉ: ấp T, xã Tân H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn***: **Trần Thị Anh Đ**, sinh năm 1977;

+ Ông **Lê Quang T2**, sinh năm 1960;
Cùng địa chỉ: ấp T, xã Tân H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt ông T1, Bà Đ, ông T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:*

Ông là chủ hụi, bà Trần Thị Anh Đ và ông Lê Quang T2 là hụi viên có tham gia góp 02 dây hụi gồm:

- Dây 1: hụi tháng 3.000.000 khui ngày 10/3/2020 gồm 28 hụi viên tham gia, bà Đ, ông T tham gia 01 phần đến tháng 5/2020 thì hốt được số tiền 57.000.000 đồng,

ông đã giao đầy đủ cho bà Đ.

Sau khi hốt hụi ông T là người góp tiền lại cho ông đến tháng 01/2021(AL) thì ngưng dóng hụi chết cho ông. Dây hụi này đến mồng 10 tháng 6 năm 2022 thì mãn hụi bà Đ ông T còn nợ ông lại số tiền hụi chết chưa góp tính từ tháng 02/2021 (AL) đến tháng 6/2022 (AL) là 17 kỳ x 3.000.000 đồng = 51.000.000 đồng; Trong đó tiền hụi đến hạn tính từ tháng 2/2021 đến tháng 2/2022 là 13 kỳ x 3.000.000 đồng = 39.000.000 đồng.

Số tiền hụi chưa đến hạn từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022 là: 04 x 3.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi tháng 2.000.000 đồng khui ngày 20/6/2019 gồm 30 hụi viên. Bà Đ tham gia 02 phần góp hụi đến tháng 11/2019 thì hốt được số tiền 44.350.000 đồng. Đến tháng 8/2020 thì hốt được số tiền 49.460.000 ông đã giao tiền hụi cho ông T.

Sau khi hốt hụi ông T là người góp tiền hụi lại cho ông đến tháng 01/2021 thì ngưng không góp hụi chết cho ông. Dây hụi này đến ngày 20/11/2021 (AL) thì mãn. Bà Đ ông T còn nợ cả 02 dây là 40.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi nêu trên bà Đ, ông T còn nợ lại ông là 91.000.000 đồng. Trong đó có 79.000.000 đồng đã quá thời hạn góp hụi là 12.000.000 đồng chưa đến hạn (góp mỗi tháng 3.000.000 đồng từ tháng 3/2022 AL đến tháng 6/2022 AL).

- Ông T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Quang T2 và bà Trần Thị Đ trả cho ông số tiền nợ hụi là 91.000.000 đồng; trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền là 79.000.000 đồng. Số tiền 12.000.000 đồng trả mỗi tháng 3.000.000 đồng tính từ tháng 3/2022 (AL) đến tháng 6/2022 (AL).

* Bị đơn bà Trần Thị Anh Đ và ông Lê Quang T2 mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Anh Đ, ông Lê Quang T2 là tranh chấp hợp đồng góp hụi được xem xét giải quyết theo Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]Về tố tụng: Bà Trần Thị Anh Đ và ông Lê Quang T2 vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3]Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Quang T2 và bà Trần Thị Đào trả cho ông số tiền nợ hụi là 91.000.000 đồng; trả ngay

khi án có hiệu lực pháp luật số tiền là 79.000.000 đồng. Số tiền 12.000.000 đồng trả mỗi tháng 3.000.000 đồng tính từ tháng 3/2022 (AL) đến tháng 6/2022 (AL).

[4] Xét yêu cầu của khởi kiện của ông Tùng cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay thì ông Tùng làm chủ nhiều dây hụi bà Đ và ông T tham gia 02 dây hụi. Nhưng sau khi hốt bà Đ và ông T đã góp hụi của dây 1 đến tháng 1/2021 thì ngưng không góp hụi cho ông Tùng nữa. Tính từ tháng 02/2021 (AL) đến tháng 6/2022 (AL) là 17 kỳ x 3.000.000 đồng = 51.000.000 đồng; Trong đó tiền hụi đến hạn tính từ tháng 2/2021 đến tháng 2/2022 là 13 kỳ x 3.000.000 đồng = 39.000.000 đồng.

Số tiền hụi chưa đến hạn từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022 (AL) là: 04 x 3.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

Tuy nhiên đến ngày xét xử số tiền hụi tính từ tháng 3/2022 đến 10/6/2022 (AL) thì số tiền là 12.000.000 đồng đã quá thời hạn tính từ ngày ông T làm đơn khởi kiện.

[5] Tại phiên Tòa hôm nay ông Tùng yêu cầu bà Đ, ông T trả cho ông số tiền nợ hụi là 91.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của ông Tùng có cơ sở bởi lẽ ông Tùng mở hụi và làm chủ của nhiều dây hụi, quá trình tham gia góp hụi bà Đ, ông T đã tham gia 02 dây hụi theo danh sách hụi ghi ngày 20/6/2019 (AL) và 10/3/2020 (AL). Tuy nhiên sao khi bà Đ, ông T hốt hụi thì chỉ góp 1 phần cho ông T đến tháng tháng 01/2021 thì bà Đ, ông T ngưng không góp hụi cho ông T nữa, mặc dù ông Tùng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Đ, ông T trả nợ nhưng bà Đ, Ông T lánh mặt không Trả nợ hụi cho ông Tùng đã gây thiệt thòi cho ông T.

Tòa án đã nhiều lần mời bà Đ và ông T đến để hòa giải nhưng bà Đ và ông T cố tình vắng mặt. Xét yêu cầu khởi kiện và trình bày của ông Tùng cũng như chứng cứ trong hồ sơ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ và ông Lê Quang T2 phải chịu án phí theo định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 206; Điều 273, Điều 244, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471; Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi biêu, phường.

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1.

Buộc bà Trần Thị Anh Đ và ông Lê Quang T2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền nợ hụi là 91.000.000 đồng *(Chín mươi mốt triệu đồng),* trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị Anh Đ và ông Lê Quang T2 phải chịu 4.550.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Miễn số tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T1 lý do ông Tùng là thân nhân liệt sĩ theo giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân H.

Ông Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Riêng bà Trần Thị Anh Đ và ông Lê Quang T2 có quyền kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG ;
- VKSND tx C;
- CC. THADS TX C;
- Ñöông söï (ñeå thi haønh);
- Löu hoà sô.

Nguyễn Hòa Hợp

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 22 tháng 7 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: **Huỳnh Ngọc Trứ**;
- Ông **Lê Văn Tám**;

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 100/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp " *Hợp đồng góp hụi*" giữa:

- ***Nguyên đơn***: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp T, xã Tân H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn***: **Trần Thị Anh Đ**, sinh năm 1977;

+ Ông **Lê Quang T2**, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Tân H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: "Tranh chấp HĐ góp hụi".

Biểu quyết: thống nhất 3/3

2. Văn bản và điều luật áp dụng:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 71; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471; Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi biêu, phường.

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: thống nhất 3/3

3. Nội dung tranh chấp:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1.

Buộc bà Trần Thị Anh Đ và ông Lê Quang T2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền nợ hụi là 91.000.000 đồng *(Chín mươi mốt triệu đồng),* trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Biểu quyết: thống nhất 3/3

4. Các vấn đề khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị Anh Đ và ông Lê Quang T2 phải chịu 4.550.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Miễn số tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T1 lý do ông Tùng là thân nhân liệt sĩ theo giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội..

Ông Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Riêng bà Trần Thị Anh Đ và ông Lê Quang Tùng có quyền kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 22 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*